

Số: 74 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 09 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực  
Du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Du lịch**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27 ngày 12 tháng 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2021 – 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Du lịch tại Tờ trình số 1564/TTr-SDL ngày 30 tháng 12 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 29 thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực Du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Du lịch theo Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27 ngày 12 tháng 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**Điều 2.** Quyết định này thay thế Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2022 và Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Du lịch.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Du lịch, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Giao thông vận tải;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học – Công báo;
- Lưu: VT, K8, K19, KSTT<sup>(C)</sup>.



**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**

**DANH MỤC 29 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA TRONG LĨNH VỰC**  
**DU LỊCH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ DU LỊCH**  
*(Ban hành theo Quyết định số:       /QĐ-UBND ngày        /        /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)*

| STT                                                                                                                             | Tên TTHC                                        | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                             | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                        | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT                                                     | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                    | Nội dung chuẩn hóa | TTHC liên thông |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|
|                                                                                                                                 | Mã số TTHC                                      |                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                          |                                   |                                                                  |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                    |                 |
| Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |                                                 |                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                          |                                   |                                                                  |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                    |                 |
| Lĩnh vực Lữ hành                                                                                                                |                                                 |                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                          |                                   |                                                                  |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                    |                 |
| 1                                                                                                                               | Công nhận điểm du lịch (1.004528.000.00.00.H08) | <div>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</div> <div>- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, Ủy ban</div> | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | -                                 | Một phần (Nộp một phần hồ sơ trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến) | Không                | <div>- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017</div> <div>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ</div> <div>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</div> <div>- Quyết định số 3466/QĐ-UBND</div> | -                  | Cấp tỉnh        |

| STT | Tên TTHC                                                                          | Thời hạn giải quyết                                                                                                 | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                        | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT                                                 | Phí, lệ phí (nếu có)                                                | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                             | Nội dung chuẩn hóa            | TTHC liên thông |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                        |                                                                                                                     |                                                                                          |                                   |                                                              |                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                               |                 |
|     |                                                                                   | nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận điểm du lịch; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. |                                                                                          |                                   |                                                              |                                                                     | ngày 25/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                      |                               |                 |
| 2   | Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (2.001628.000.00.00.H08) | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                             | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | -                                 | Một phần (Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến) | Phí: 3.000.000 đồng/ Giấy phép (Thanh toán tại thời điểm nộp hồ sơ) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017.</li> <li>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28/10/2021 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày</li> </ul> | Phí, lệ phí và Căn cứ pháp lý | -               |

| STT | Tên TTHC                                                                      | Thời hạn giải quyết                          | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                               | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Phí, lệ phí (nếu có)                                                | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                          | Nội dung chuẩn hóa            | TTHC liên thông |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                    |                                              |                                                                                 |                                   |              |                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                         |                               |                 |
|     |                                                                               |                                              |                                                                                 |                                   |              |                                                                     | 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.<br>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |                               |                 |
| 3   | Cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (2.001616.000.00.00.H08) | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn đề nghị | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP | -                                 | Toàn trình   | Phí: 1.500.000 đồng/ Giấy phép (Thanh toán tại thời điểm nộp hồ sơ) | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017.<br>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ.<br>- Nghị định số                                                                                                        | Phí, lệ phí và Căn cứ pháp lý | -               |

| STT | Tên TTHC               | Thời hạn giải quyết    | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Phí, lệ phí (nếu có)      | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Nội dung chuẩn hóa    | TTHC liên thông |
|-----|------------------------|------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC             |                        |                                                   |                                   |              |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                       |                 |
|     |                        |                        | Quy Nhơn                                          |                                   |              |                           | 94/2021/NĐ-CP ngày 28/10/2021 của Chính phủ.<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.<br>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |                       |                 |
| 4   | Cấp đổi Giấy phép kinh | 05 ngày làm việc kể từ | Trung tâm Phục vụ                                 | -                                 | Toàn trình   | Phí: 2.000.000 đồng/ Giấy | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Phí, lệ phí và Căn cứ | -               |

| STT | Tên TTHC                                                  | Thời hạn giải quyết       | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                      | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Phí, lệ phí (nếu có)                      | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Nội dung chuẩn hóa | TTHC liên thông |
|-----|-----------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                |                           |                                                                        |                                   |              |                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                    |                 |
|     | doanh dịch vụ lữ hành nội địa<br>(2.001622.000.00.00.H08) | ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn |                                   |              | phép (Thanh toán tại thời điểm nộp hồ sơ) | ngày 19/6/2017.<br>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ.<br>- Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28/10/2021 của Chính phủ.<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.<br>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày | pháp lý            |                 |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                                                     | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                        | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT                                                     | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Nội dung chuẩn hóa | TTHC liên thông |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                          |                                   |                                                                  |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                    |                 |
|     |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                          |                                   |                                                                  |                      | 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.                                                                                                                                                                                                                                                       |                    |                 |
| 5   | Thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành<br>(2.001611.000.00.00.H08) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch ra quyết định thu hồi giấy phép</li> <li>- Sau 30 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan</li> </ul> | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | Trả kết quả qua dịch vụ BCCI      | Một phần (Nộp một phần hồ sơ trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến) | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017.</li> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Thông tư 13/2021/TT-BVHTTDL ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul> | -                  | -               |



| STT | Tên TTHC                                                                                                             | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                             | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                        | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT                                                     | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                        | Nội dung chuẩn hóa | TTHC liên thông |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                          |                                   |                                                                  |                      |                                                                                                                                                                                                                                                       |                    |                 |
|     |                                                                                                                      | đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì cơ quan cấp phép có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được rút tiền ký quỹ                                                                           |                                                                                          |                                   |                                                                  |                      |                                                                                                                                                                                                                                                       |                    |                 |
| 6   | Thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể (2.001589.000.00.00.H08) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch ra quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành.</li> <li>- Sau 30 ngày, kể từ ngày</li> </ul> | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | -                                 | Một phần (Nộp một phần hồ sơ trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến) | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017.</li> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Thông tư 13/2021/TT-BVHTTDL ngày</li> </ul> | -                  | -               |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                           | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                            | Nội dung chuẩn hóa | TTHC liên thông |
|-----|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|----------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                   |                                   |              |                      |                                                           |                    |                 |
|     |            | đăng quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì Sở Du lịch có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được rút tiền ký quỹ |                                                   |                                   |              |                      | 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |                    |                 |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                               | Thời hạn giải quyết                               | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                        | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT                                                     | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                          | Nội dung chuẩn hóa | TTHC liên thông |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                                             |                                                   |                                                                                          |                                   |                                                                  |                      |                                                                                                                                                                                         |                    |                 |
| 7   | Thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản (1.003742.000.00.00.H08)                    | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | -                                 | Một phần (Nộp một phần hồ sơ trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến) | Không                | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                         | -                  | -               |
| 8   | Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài (1.001837.000.00.00.H08) | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | -                                 | Toàn trình                                                       | Không                | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017<br>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ<br>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | -                  | -               |

| STT | Tên TTHC                                                            | Thời hạn giải quyết                    | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                        | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Phí, lệ phí (nếu có)                                           | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Nội dung chuẩn hóa            | TTHC liên thông |
|-----|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                          |                                        |                                                                                          |                                   |              |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                               |                 |
| 9   | Cấp Thẻ Hướng dẫn viên du lịch tại điểm<br>(1.001440.000.00.00.H08) | 10 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | -                                 | Toàn trình   | Phí: 200.000 đồng/ thẻ<br>(Thanh toán tại thời điểm nộp hồ sơ) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017</li> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</li> <li>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</li> <li>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</li> </ul> | Phí, lệ phí và Căn cứ pháp lý | -               |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                                  | Thời hạn giải quyết                                                                                            | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                        | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT                            | Phí, lệ phí (nếu có)                                                   | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                        | Nội dung chuẩn hóa | TTHC liên thông |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                                                |                                                                                                                |                                                                                          |                                   |                                         |                                                                        |                                                                                                                                                                                                                       |                    |                 |
| 10  | Cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho Hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế (1.004605.000.00.00.H08) | 05 ngày, kể từ ngày kết thúc khóa cập nhật kiến thức                                                           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | -                                 | Một phần (Nộp toàn bộ hồ sơ trực tuyến) | Không                                                                  | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch<br>- Quyết định số 3466/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh | -                  | -               |
| 11  | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài (1.003717.000.00.00.H08)   | - 07 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phù hợp với cam kết của Việt Nam | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | -                                 | Toàn trình                              | Lệ phí: 3.000.000 đồng/ Giấy phép (Thanh toán tại thời điểm nộp hồ sơ) | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017<br>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ<br>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT                                                                           | -                  | -               |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                        | Nội dung chuẩn hóa | TTHC liên thông |
|-----|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                   |                                   |              |                      |                                                                                                                       |                    |                 |
|     |            | trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên<br>- 13 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt |                                                   |                                   |              |                      | ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương<br>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính |                    |                 |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                        | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                        | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Phí, lệ phí (nếu có)                                                  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                    | Nội dung chuẩn hóa | TTHC liên thông |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                                                                                                                      |                                                  |                                                                                          |                                   |              |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                    |                 |
|     |                                                                                                                                                                                                                 | Nam là thành viên                                |                                                                                          |                                   |              |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                    |                 |
| 12  | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lưu hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện (1.003240.000.00.00.H08) | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | -                                 | Toàn trình   | Lệ phí: 1.500.000 đồng/Giấy phép (Thanh toán tại thời điểm nộp hồ sơ) | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017<br>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ<br>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương<br>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | -                  | -               |
| 13  | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ                                                                                                                 | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định,                                        | -                                 | Toàn trình   | Lệ phí: 1.500.000 đồng/giấy phép (Thanh toán tại thời điểm            | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017<br>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP                                                                                                                                                                                     | -                  | -               |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                                                | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                       | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                        | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT                                                                         | Phí, lệ phí (nếu có)                                                  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                          | Nội dung chuẩn hóa | TTHC liên thông |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                                                              |                                                                                                                                                           |                                                                                          |                                   |                                                                                      |                                                                       |                                                                                                                                                                                         |                    |                 |
|     | lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy<br>(1.003275.000.00.00.H08) |                                                                                                                                                           | địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn                                                   |                                   |                                                                                      | nộp hồ sơ)                                                            | ngày 25/01/2016 của Chính phủ<br>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương<br>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính     |                    |                 |
| 14  | Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài<br>(1.005161.000.00.00.H08)       | - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không dẫn đến Văn phòng đại | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | -                                 | Một phần (Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, trả kết quả trực tuyến, Thanh toán trực tuyến) | Lệ phí: 1.500.000 đồng/Giấy phép (Thanh toán tại thời điểm nộp hồ sơ) | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017<br>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ<br>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | -                  | Cấp Trung ương  |



| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                         | Nội dung chuẩn hóa | TTHC liên thông |
|-----|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                   |                                   |              |                      |                                                                        |                    |                 |
|     |            | <p>diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lưu hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp việc điều</p> |                                                   |                                   |              |                      | - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính |                    |                 |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                      | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Nội dung chuẩn hóa | TTHC liên thông |
|-----|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|----------------------|----------------|--------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                   |                                   |              |                      |                |                    |                 |
|     |            | chính nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. |                                                   |                                   |              |                      |                |                    |                 |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                                    | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                        | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Phí, lệ phí (nếu có)                                                  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                    | Nội dung chuẩn hóa            | TTHC liên thông |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                                                  |                                                  |                                                                                          |                                   |              |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                               |                 |
| 15  | Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài (1.003002.000.00.00.H08) | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | -                                 | Toàn trình   | Lệ phí: 1.500.000 đồng/Giấy phép (Thanh toán tại thời điểm nộp hồ sơ) | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017<br>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ<br>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương<br>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | -                             | -               |
| 16  | Cấp Thẻ Hướng dẫn viên du lịch quốc tế (1.004628.000.00.00.H08)                                                                             | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ          | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | Trả kết quả qua dịch vụ BCCI      | Toàn trình   | Phí: 650.000 đồng/ thẻ (Thanh toán tại thời điểm nộp hồ sơ)           | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của                                                                                                                                                             | Phí, lệ phí và Căn cứ pháp lý | -               |

| STT | Tên TTHC                                                        | Thời hạn giải quyết                     | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                        | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Phí, lệ phí (nếu có)                                       | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                        | Nội dung chuẩn hóa            | TTHC liên thông |
|-----|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                      |                                         |                                                                                          |                                   |              |                                                            |                                                                                                                                                                                                                       |                               |                 |
|     |                                                                 |                                         | Trung, TP Quy Nhơn                                                                       |                                   |              |                                                            | Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch<br>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính<br>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |                               |                 |
| 17  | Cấp Thẻ Hướng dẫn viên du lịch nội địa (1.004623.000.00.00.H08) | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | Trả kết quả qua dịch vụ BCCI      | Toàn trình   | Phí: 650.000 đồng/thẻ (Thanh toán Tại thời điểm nộp hồ sơ) | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và                                                                               | Phí, lệ phí và Căn cứ pháp lý | -               |

| STT | Tên TTHC                                                                                                   | Thời hạn giải quyết                     | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                        | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT                                             | Phí, lệ phí (nếu có)                                        | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                      | Nội dung chuẩn hóa            | TTHC liên thông |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                 |                                         |                                                                                          |                                   |                                                          |                                                             |                                                                                                                                                                                     |                               |                 |
|     |                                                                                                            |                                         |                                                                                          |                                   |                                                          |                                                             | Du lịch<br>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính<br>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |                               |                 |
| 18  | Cấp đổi Thẻ Hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ Hướng dẫn viên du lịch nội địa<br>(1.001432.000.00.00.H08) | 08 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | Trả kết quả qua dịch vụ BCCI      | Một phần (Nộp hồ sơ trực tuyến và thanh toán trực tuyến) | Phí: 650.000 đồng/ thẻ (Thanh toán tại thời điểm nộp hồ sơ) | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch<br>- Thông tư số                    | Phí, lệ phí và Căn cứ pháp lý | -               |

| STT | Tên TTHC                                                    | Thời hạn giải quyết                     | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                               | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                           | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                   | Nội dung chuẩn hóa            | TTHC liên thông |
|-----|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                  |                                         |                                                                                 |                                   |              |                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                  |                               |                 |
|     |                                                             |                                         |                                                                                 |                                   |              |                                                                                                | 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính<br>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch<br>- Quyết định số 3337/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh |                               |                 |
| 19  | Cấp lại Thẻ Hướng dẫn viên du lịch (1.004614.000.00.00.H08) | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP | Trả kết quả qua dịch vụ BCCI      | Toàn trình   | Phí: 650.000 đồng/ thẻ Hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc Thẻ Hướng dẫn viên du lịch nội địa; | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn                                                                                                           | Phí, lệ phí và Căn cứ pháp lý | -               |

| STT | Tên TTHC                                                | Thời hạn giải quyết                                                                                                               | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                 | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT                                                     | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                       | Nội dung chuẩn hóa | TTHC liên thông     |
|-----|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|
|     | Mã số TTHC                                              |                                                                                                                                   |                                                                                                   |                                   |                                                                  |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                      |                    |                     |
|     |                                                         |                                                                                                                                   | Quy Nhơn                                                                                          |                                   |                                                                  | 200.000 đồng/Thẻ Hướng dẫn viên du lịch tại điểm (Thanh toán tại thời điểm nộp hồ sơ) | hóa, Thẻ thao và Du lịch<br>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính<br>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |                    |                     |
| 20  | Công nhận khu du lịch cấp tỉnh (1.003490.000.00.00.H08) | - Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;<br>- Trong thời | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn: Đối với | -                                 | Một phần (Nộp một phần hồ sơ trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến) | Không                                                                                 | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017<br>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày                                                | -                  | Cấp tỉnh, Cấp huyện |

| STT                                  | Tên TTHC                                                                 | Thời hạn giải quyết                                                                                                     | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                                                              | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT              | Phí, lệ phí (nếu có)                  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                      | Nội dung chuẩn hóa | TTHC liên thông  |
|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------|
|                                      | Mã số TTHC                                                               |                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                |                                   |                           |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                    |                  |
|                                      |                                                                          | hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh. | trường hợp Khu du lịch nằm trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên.<br>- Bộ phận một cửa cấp huyện: Đối với trường hợp Khu du lịch nằm trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp huyện |                                   |                           |                                       | 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch<br>- Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về du lịch thuộc tỉnh Bình Định<br>- Quyết định số 3466/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh |                    |                  |
| <b>Lĩnh vực Dịch vụ du lịch khác</b> |                                                                          |                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                |                                   |                           |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                    |                  |
| 21                                   | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                 | Bộ phận một cửa cấp huyện                                                                                                                                                                      | -                                 | Một phần (Nộp một phần hồ | Phí: 1.000.000 đồng/Hồ sơ (Thanh toán | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/ 2017                                                                                                                                                                                                                                      | -                  | Cấp huyện, Sở Du |



| STT | Tên TTHC                            | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT                                                  | Phí, lệ phí (nếu có)     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Nội dung chuẩn hóa | TTHC liên thông |
|-----|-------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                          |                     |                                                   |                                   |                                                               |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                    |                 |
|     | du lịch<br>(1.004551.000.00.00.H08) |                     |                                                   |                                   | sơ trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến; Thanh toán trực tuyến) | Tại thời điểm nộp hồ sơ) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</li> <li>- Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</li> <li>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</li> <li>- Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND tỉnh</li> </ul> |                    | lịch            |

| STT | Tên TTHC                                                                                                            | Thời hạn giải quyết                     | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT                                                                            | Phí, lệ phí (nếu có)                                           | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Nội dung chuẩn hóa | TTHC liên thông       |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                          |                                         |                                                   |                                   |                                                                                         |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                    |                       |
| 22  | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (1.004503.000.00.00.H08) | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận một cửa cấp huyện                         | -                                 | Một phần (Nộp một phần hồ sơ trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến; Thanh toán trực tuyến) | Phí: 1.000.000 đồng/Hồ sơ (Thanh toán tại thời điểm nộp hồ sơ) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/ 2017</li> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</li> <li>- Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</li> <li>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</li> <li>- Quyết định số 10/2018/QĐ-</li> </ul> | -                  | Cấp huyện, Sở Du lịch |

| STT | Tên TTHC                                                                                                           | Thời hạn giải quyết                     | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT                                                                            | Phí, lệ phí (nếu có)                                          | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Nội dung chuẩn hóa | TTHC liên thông       |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                         |                                         |                                                   |                                   |                                                                                         |                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                    |                       |
|     |                                                                                                                    |                                         |                                                   |                                   |                                                                                         |                                                               | UBND ngày 28/02/2018 của UBND tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                    |                       |
| 23  | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (1.001455.000.00.00.H08) | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận một cửa cấp huyện                         | -                                 | Một phần (Nộp một phần hồ sơ trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến; Thanh toán trực tuyến) | Phí:1.000.000 đồng/Hồ sơ (Thanh toán Tại thời điểm nộp hồ sơ) | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/ 2017<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch<br>- Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính<br>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và | -                  | Cấp huyện, Sở Du lịch |

| STT | Tên TTHC                                                                                                    | Thời hạn giải quyết                     | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT                                                                            | Phí, lệ phí (nếu có)                                           | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                | Nội dung chuẩn hóa | TTHC liên thông       |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                  |                                         |                                                   |                                   |                                                                                         |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                               |                    |                       |
|     |                                                                                                             |                                         |                                                   |                                   |                                                                                         |                                                                | Du lịch<br>- Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND tỉnh                                                                                                                                                                                                      |                    |                       |
| 24  | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch<br>(1.004580.000.00.00.H08) | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận một cửa cấp huyện                         | -                                 | Một phần (Nộp một phần hồ sơ trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến; Thanh toán trực tuyến) | Phí: 1.000.000 đồng/Hồ sơ (Thanh toán tại thời điểm nộp hồ sơ) | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch<br>- Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính<br>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể | -                  | Cấp huyện, Sở Du lịch |

| STT | Tên TTHC                                                                                                    | Thời hạn giải quyết                     | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT                                                                            | Phí, lệ phí (nếu có)                                           | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                     | Nội dung chuẩn hóa | TTHC liên thông       |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                  |                                         |                                                   |                                   |                                                                                         |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                    |                    |                       |
|     |                                                                                                             |                                         |                                                   |                                   |                                                                                         |                                                                | thao và Du lịch<br>- Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND tỉnh                                                                                                                                                                                   |                    |                       |
| 25  | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch<br>(1.004572.000.00.00.H08) | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận một cửa cấp huyện                         | -                                 | Một phần (Nộp một phần hồ sơ trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến; Thanh toán trực tuyến) | Phí: 1.000.000 đồng/Hồ sơ (Thanh toán Tại thời điểm nộp hồ sơ) | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch<br>- Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính<br>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày | -                  | Cấp huyện, Sở Du lịch |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                                                                 | Thời hạn giải quyết                     | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                        | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT                                                                           | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                       | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                            | Nội dung chuẩn hóa | TTHC liên thông |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                                                                               |                                         |                                                                                          |                                   |                                                                                        |                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                           |                    |                 |
|     |                                                                                                                                                                          |                                         |                                                                                          |                                   |                                                                                        |                                                                                                                                            | 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch<br>- Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND tỉnh                                                                                                 |                    |                 |
| 26  | Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch<br>(1.004594.000.00.00.H08) | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | -                                 | Một phần (Nộp toàn bộ hồ sơ trực tuyến; Trả kết quả trực tuyến; Thanh toán trực tuyến) | - Phí: công nhận hạng 1 sao, 2 sao: 1.500.000 đồng/Hồ sơ; công nhận hạng 3 sao: 2.000.000 đồng/ Hồ sơ (Thanh toán Tại thời điểm nộp hồ sơ) | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch<br>- Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | -                  | -               |

| STT | Tên TTHC                                                                 | Thời hạn giải quyết                                                                                                                             | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                        | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                | Nội dung chuẩn hóa | TTHC liên thông |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                               |                                                                                                                                                 |                                                                                          |                                   |              |                      |                                                                                                                                                               |                    |                 |
|     |                                                                          |                                                                                                                                                 |                                                                                          |                                   |              |                      | - Quyết định số 3466/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh<br>- Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh                      |                    |                 |
| 27  | Cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch (1.008027.000.00.00.H08) | - 02 ngày làm việc đối với phương tiện là xe ô tô.<br>- 07 ngày làm việc đối với phương tiện thủy nội địa.<br>(Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | -                                 | Toàn trình   | Không                | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/06/2017<br>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. | -                  | -               |

| STT | Tên TTHC                                                                     | Thời hạn giải quyết                                                                                                                        | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                        | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                 | Nội dung chuẩn hóa | TTHC liên thông |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                   |                                                                                                                                            |                                                                                          |                                   |              |                      |                                                                                                                |                    |                 |
| 28  | Cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch (1.008028.000.00.00.H08) | - 02 ngày làm việc đối với phương tiện là xe ô tô<br>- 07 ngày làm việc đối với phương tiện thủy nội địa (Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | -                                 | Toàn trình   | Không                | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/06/2017<br>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ. | -                  | -               |
| 29  | Cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch (1.008029.000.00.00.H08) | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | -                                 | Toàn trình   | Không                | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/06/2017<br>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ  | -                  | -               |

Tổng cộng: 29 TTHC